

PHỤ LỤC

NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ BIÊN CHẾ KHỐI XÃ PHƯỜNG

1. Xác định biên chế theo nhóm

- Nhóm 1: Biên chế cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý (gồm: Phó Chủ tịch HĐND, 02 phó ban chuyên trách HĐND, Chủ tịch UBND, 02 Phó chủ tịch UBND, trưởng phòng và các phó trưởng phòng): 15 biên chế/đơn vị.

- Nhóm 2: Biên chế BCH Quân sự cấp xã: 03 biên chế/đơn vị.

Tổng số biên chế nhóm 1 và nhóm 2: 2.268 biên chế. Tổng số biên chế công chức chuyên ngành: 7.354 biên chế, việc phân chia số lượng biên chế này đối với từng địa phương căn cứ vào các tiêu chí cụ thể.

2. Xác định các tiêu chí để tính biên chế phù hợp

- Mật độ dân cư: Thành phố Hà Nội có diện tích lớn, dân số đông, tuy nhiên không trải đều theo diện tích mà tập trung tại một số địa phương, đặc biệt là các khu vực nội thành. Cụ thể: dân số năm 2025 của Hà Nội đạt 8,807 triệu người, tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm từ 2019-2024 là 1,5%/năm. Mật độ dân cư lớn dẫn tới mức độ phức tạp trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

- TTHC: qua thống kê có khoảng 956 nhiệm vụ được phân cấp từ các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, từ thành phố, từ cấp huyện cũ cho các xã, phường, do vậy khối lượng TTHC và số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC cũng tăng mạnh. Từ tháng 7/2025 đến nay, trung bình mỗi tháng, 126 xã, phường tiếp nhận và giải quyết 199.827 TTHC (mỗi xã tiếp nhận, giải quyết 1.586 TTHC/tháng). Việc bố trí công chức phải đáp ứng nhu cầu tiếp nhận và giải quyết TTHC của địa phương.

- Số lượng dự án được giao theo kế hoạch vốn năm 2025: Trên địa bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện triển khai mô hình chính quyền 02 cấp, gần 10.000 dự án đã được rà soát, điều chỉnh từ quận, huyện về xã, phường để tiếp tục triển khai thực hiện. Số lượng, quy mô các dự án tại từng địa phương không đồng nhất; các dự án được triển khai với yêu cầu cao về tiến độ, chất lượng thực hiện; do đó cần có số lượng công chức lĩnh vực tài chính, xây dựng phù hợp.

- Lĩnh vực đô thị, công thương, nông nghiệp và môi trường được tính trên cơ sở khu vực phát triển đô thị, công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị, làng nghề truyền thống trên địa bàn, diện tích đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Quy mô và tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập: Sự phân chia số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập không đồng đều giữa các địa phương, xã ít nhất là 06 đơn vị, xã nhiều nhất 45 đơn vị. Vì vậy, khối lượng công việc đối với lĩnh vực quản lý nhân sự cũng khác nhau giữa các địa phương.

- Công tác an sinh xã hội, chăm sóc người có công: Công tác chăm sóc người có công được đặc biệt quan tâm tại các xã, phường. Số lượng người có công hiện đang sinh sống trên địa bàn cơ sở cũng khác nhau về số lượng.

- Một số nội dung khác (về công tác quản lý di tích tại địa phương, xã, phường được giao nhiệm vụ trọng tâm, ...) được xác định để tính điểm cộng.

3. Cách tính điểm

a) Xây dựng thang điểm:

- Mỗi tiêu chí được xác định theo thang điểm: thấp nhất 10 điểm, cao nhất 30 điểm.
- Với các tiêu chí được lượng hóa bằng số liệu: những đơn vị có giá trị của tiêu chí tương đương với mức trung bình của tiêu chí đó: được tính 20 điểm; có giá trị thấp hơn mức trung bình: được tính 10 điểm; có giá trị cao hơn mức trung bình: tính 30 điểm.
- Với các tiêu chí khác trên cơ sở phân cấp của Thành phố (địa phương có khu công nghiệp, làng nghề, đất rừng, các xã, phường ven đô, ...): đơn vị có: được tính 20 điểm, đơn vị còn lại: tính 10 điểm.
- Tiêu chí tính điểm cộng: đơn vị được giao nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng (thí điểm xây dựng các phường Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Ba Đình kiểu mẫu về trật tự, văn minh, đô thị; địa phương có các di tích được công nhận di tích quốc gia đặc biệt như quần thể di tích Chùa Hương, các địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ,...) được tính 30 điểm.

b) Phân nhóm các đơn vị trên cơ sở tổng điểm đạt được, từ đó xác định khung biên chế đối với các nhóm:

Biên chế công chức chuyên ngành: 7.354 biên chế

- Các đơn vị có từ dưới 80 điểm: số biên chế công chức chuyên ngành: 42 biên chế;
- Các đơn vị có từ 90 – 110 điểm: số biên chế công chức chuyên ngành: 58 biên chế;
- Các đơn vị có từ 120 – 140 điểm: số biên chế công chức chuyên ngành: 76 biên chế;
- Các đơn vị từ 150 điểm trở lên: tổng số biên chế công chức chuyên ngành: 90 biên chế.

4. Dự kiến giao biên chế 2026

- Các đơn vị có số biên chế hiện có nhỏ hơn số biên chế tính theo phương án trên: giao bằng số biên chế tính theo phương án hoặc giao bằng số biên chế đã giao tháng 7/2025 và bổ sung số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP để tổng giao biên chế công chức và HĐLĐ bằng số biên chế tính theo phương án nêu trên;
- Các đơn vị có số biên chế hiện có lớn hơn số biên chế tính theo phương án trên: giao bằng số hiện có;
- Số lượng biên chế để bổ sung khi tăng Phó Chủ tịch UBND cấp xã (63 biên chế), Phó Chỉ huy trưởng BCH Quân sự cấp xã (84 biên chế) nằm trong tổng số biên chế dự phòng của Thành phố.